

Ngày thi: 06/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152220345	TRƯƠNG CÔNG ĐUỜNG	T17XDC	6			5	5.5			5	5.2	Năm phẩy Hai				
2	168222095	LÊ QUANG LONG	T17XDC	8			5	6			4.5	5.3	Năm phẩy Ba				
3	178222998	ĐẶNG QUÝ BÌNH	T17XDC	10			6.5	6.5			7	7.3	Bảy phẩy Ba				
4	178222999	LƯU VĂN CƯỜNG	T17XDC	10			6.5	6.5			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm				
5	178223000	MAI QUÝ ĐỊNH	T17XDC	6			5	5.5			4	4.7	Bốn phẩy Bảy				
6	178223001	ĐẶNG HỮU ĐÔNG	T17XDC	10			6	5.5			5	6.0	Sáu				
7	178223002	ĐINH MẠNH HÀ	T17XDC	10			6.5	7			5	6.3	Sáu phẩy Ba				
8	178223003	NGUYỄN VĂN HẠNH	T17XDC	8			7	7			6	6.6	Sáu phẩy Sáu				
9	178223004	LÝ XUÂN HIẾU	T17XDC	5.5			5	5			5	5.1	Năm phẩy Một				
10	178223005	PHẠM TIẾN HOÀNG	T17XDC	9.5			7	7.5			8	8.0	Tám				
11	178223007	VÕ HÙNG HỒNG	T17XDC	5.5			5	5.5			6	5.7	Năm phẩy Bảy				
12	178223009	HUỶNH NGỌC HƯNG	T17XDC	4			4	4			4.5	4.3	Bốn phẩy Ba				
13	178223010	NGUYỄN HỮU KHOA	T17XDC	5.5			5.5	5.5			5.5	5.5	Năm phẩy Năm				
14	178223012	TRẦN CHIÊM PHƯỚC	T17XDC	10			7	7.5			7	7.5	Bảy phẩy Năm				
15	178223013	NGUYỄN PHƯỚC HOÀI PHƯƠNG	T17XDC	10			7	7.5			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám				
16	178223014	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	T17XDC	10			7	7.5			5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy				
17	178223015	ĐỖ PHÚ THANH	T17XDC	5.5			5	5			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn				
18	178223016	TRƯƠNG VĂN THỊNH	T17XDC	5.5			5	5			4	4.5	Bốn phẩy Năm				
19	178223017	NGUYỄN VĂN THỨC	T17XDC	10			7	7.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba				
20	178223018	NGUYỄN HỒNG TRÁNG	T17XDC	8.5			7	7			5	6.1	Sáu phẩy Một				
21	178223019	ĐẶNG HỮU TRUNG	T17XDC	5.5			5	5			6	5.6	Năm phẩy Sáu				
22	178223021	NGUYỄN THÀNH TRUNG	T17XDC	4			5	5			6.5	5.7	Năm phẩy Bảy				
23	178223023	VÕ TRUNG	T17XDC	4			5	5			V	0.0	Không				
24	178223024	VÕ NGỌC TRUNG	T17XDC	5.5			4.5	5.5			HP	0.0	Không				
25	178223025	LƯƠNG ANH TUẤN	T17XDC	6.5			6	6.5			HP	0.0	Không				
26	178223026	TRẦN CÔNG TUẤN	T17XDC	4			4	5			5.5	5.0	Năm				
27	178223027	HOÀNG TÙNG	T17XDC	10			7	7.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba				
28	178223028	LÊ ĐỨC VIỆT	T17XDC	8			7	7.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy				
29	1625	TRỊNH THẾ TRƯỜNG	D16XDC	8			6	6.5			6	6.4	Sáu phẩy Bốn	37186DT			
30	2122	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	T16XDC	5			5	5			5.5	5.3	Năm phẩy Ba	35038DT			
31	1589	LÊ NGỌC ANH	D16XDCEB	5			5	5			5	5.0	Năm	41497DT			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	28	90%	
2	Số sinh viên nợ	3	10%	
TỔNG CỘNG :		31	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân